

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BL
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày: 30-6-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BL, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Văn Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khru Liên Dung

Bà Dư Thị Út

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Công Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL tham gia phiên tòa:* Bà Trần Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2021/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1977. Địa chỉ: số A, ấp Vĩnh B, xã B, thành phố BL, tỉnh BL. “có mặt”.

2. Đồng bị đơn: Ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th. Cùng địa chỉ: ấp K, xã B, thành phố BL, tỉnh BL. “vắng mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Huỳnh Thị Lệ M, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp K, xã B, thành phố BL, tỉnh BL. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L trình bày: Vào tháng 5/2021, vợ chồng ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th xây dựng nhà ở, khi đó ông Nguyễn Văn Thống có vác cát đá cho nhà ông L1 và bà Th, biết ông L1 và bà Th có nhu cầu mua nước sơn nên giới thiệu cho ông L liên hệ để thỏa thuận việc mua bán. Sau khi thỏa thuận, vợ chồng ông L1 và bà Th đồng ý mua nước sơn của ông L với số L là 09 thùng (trong đó có 05 thùng nước sơn loại 18 lít (02 thùng nội thất, 02 thùng ngoại thất và 01 thùng kiềm) và 04 thùng nước sơn loại 05 lít, loại nước sơn kiềm; hai bên thỏa thuận giá

09 thùng nước sơn là 17.800.000 đồng, hẹn đến ngày 30/5/2021 ông L sẽ giao nước sơn cho ông L1 và bà Th. Do là chỗ quen biết nên hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng, không làm hợp đồng và không yêu cầu đặt cọc trước. Sau khi thỏa thuận xong, đến ngày 28/5/2021, chị Huỳnh Thị Lệ M (là con ruột của ông L1 và bà Th) đến cửa hàng của ông lấy trước 05 thùng nước sơn (gồm 04 thùng nước sơn loại 05 lít và 01 thùng nước sơn loại 18 lít), đến ngày 30/5/2021, ông chở qua giao 04 thùng nước sơn còn lại, khi giao thì ông L1 và chị M nhận hàng. Đến chiều cùng ngày, bà Th đòi trả lại nước sơn mà không nói lý do, ông có liên hệ gặp ông L1 và bà Th để hỏi nguyên nhân nhưng bà Th chỉ nói do không đặt cọc nên giờ không thích lấy nước sơn. Nay, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L1 và bà Th trả số tiền mua nước sơn là 17.800.000 đồng.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 07/11/2021, bị đơn ông Huỳnh Văn L1 trình bày: Khi ông cất nhà thì ông Nguyễn Hữu L tiếp thị nước sơn và yêu cầu ông sử dụng nước sơn của ông L, ông L ngang nhiên chở nước sơn để vô nhà ông, do không có nhu cầu sử dụng nước sơn của ông L nên khi nhà hoàn thành, ông có điện thoại yêu cầu ông L xuống lấy nước sơn về nhưng ông L không đồng ý. Nay, ông L khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 17.800.000 đồng thì ông không đồng ý, ông yêu cầu Tòa giải quyết buộc ông L phải đem 09 thùng nước sơn về.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Lệ M trình bày: giữa cha mẹ chị và ông L không có việc thỏa thuận mua bán nước sơn, ông L lại nhà cha mẹ chị tiếp thị nước sơn và tự ý chở các thùng nước sơn lại để ở nhà cha mẹ chị, chị có chở nước sơn lại trả cho ông L nhưng ông L không đồng ý nhận lại, chị xác định không có việc chị lại nhà ông L chở nước sơn như ông L trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2022, chị M xác định chị có lại cửa hàng ông L chở 05 thùng nước sơn (04 thùng loại 05 lít và 01 thùng loại 18 lít) như ông L trình, việc chị lại chở nước sơn là do chồng của chị kêu chị lại chở, lý do tại sao kêu chị lại chở về thì chị cũng không biết. Nay, chị yêu cầu Tòa án buộc ông L chở các thùng nước sơn về.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông L1 và bà Th có trách nhiệm trả cho ông L số tiền là 17.800.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu L tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã B, thành phố BL, tỉnh BL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL theo quy định của điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng bị đơn ông L1, bà Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng mua bán nước sơn và thực tế nguyên đơn đã giao nước sơn cho bị đơn; bị đơn cho rằng giữa hai bên hoàn toàn không có việc giao dịch mua bán, nguyên đơn tự ý đem nước sơn lại nhà bị đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2022, ông Nguyễn Văn Thống xác định có giới thiệu cho ông L bán nước sơn cho ông L1 và bà Th, mặc dù khi các bên thỏa thuận việc mua bán ông không trực tiếp chứng kiến nhưng ông có hỏi ông L thì được ông L cho biết đã thỏa thuận được và ông L1, bà Th đã lựa chọn được màu nước sơn, đến cuối tháng 5/2021, ông có thấy ông L chở nước sơn qua cho ông L1 và bà Th, sau đó có vào nhà ông chơi, ông có hỏi thì ông L nói chở 04 thùng nước sơn cho ông L1, bà Th, lúc đó ông L cũng không có nói đến việc ông L1, bà Th không đồng ý nhận nước sơn. Như vậy, lời trình bày của ông Thống phù hợp với lời trình bày của ông L.

Phía bị đơn cho rằng không có việc thỏa thuận mua bán nước sơn mà ông L tự ý chở nước sơn lại nhà bị đơn. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 10/6/2022, chị Huỳnh Thị Lệ M (là con ruột và sống cùng nhà với ông L1 và bà Th) thừa nhận có việc chị lại nhà của ông L để chở 05 thùng nước sơn về nhà (gồm 04 thùng nước sơn loại 05 lít và 01 thùng nước sơn loại 18 lít). Do đó, việc bị đơn cho rằng nguyên đơn tự ý chở nước sơn lại nhà bị đơn là không có căn cứ.

Từ phân tích nêu trên, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có thỏa thuận việc mua bán nước sơn như phía nguyên đơn trình bày, việc mua bán đã được thực hiện xong, nguyên đơn đã giao đầy đủ nước sơn cho bị đơn, nhưng bị đơn không đồng ý nhận nước sơn mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm trả tiền mua nước sơn cho nguyên đơn.

Về số tiền mua bán, nguyên đơn xác định hai bên thỏa thuận giá tiền là 17.800.000 đồng. Tại biên bản định giá ngày 12/4/2022, Hội đồng định giá kết luận 09 thùng nước sơn có giá là 18.140.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận giá

mua bán các thùng nước sơn như phía nguyên đơn trình bày, buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 17.800.000 đồng.

[3] Về chi phí tố tụng: do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp 1.000.000 đồng nên buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000 đồng.

[4] Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là 890.000 đồng; nguyên đơn không phải chịu án phí.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BL, tỉnh BL là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, 433, 434, 435, 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu L đối với ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th.

2. Buộc ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th cùng có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hữu L tổng số tiền là 17.800.000 đồng (*Mười bảy triệu tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí tố tụng: ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 1.000.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu L đã nộp 1.000.000 đồng nên buộc ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th phải hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu L số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Ông Huỳnh Văn L1 và bà Nguyễn Thị Th phải chịu 890.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu L số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 445.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006989 ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BL, tỉnh BL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL;
- VKSND tỉnh BL;
- VKSND TP. BL;
- Chi cục THADS TP. BL;
- Các đương sự;
- Lưu: HSYA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Văn Định